

Họ và tên: .....

Mã đề 101

Lớp 11.....

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM(7 điểm)**

**Câu 1.** Ngành kinh tế truyền thống, đang được chú trọng phát triển ở hầu hết các nước Đông Nam Á là

- A. Chăn nuôi bò. B. Đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản.  
C. Khai thác và chế biến lâm sản. D. Nuôi cừu để lấy lông.

**Câu 2.** Loại khoáng sản nào sau đây nổi tiếng ở Miền Đông Trung Quốc?

- A. Quặng bôxít. B. Kim Loại màu. C. Kim Loại đen. D. Sa khoáng.

**Câu 3.** Những khó khăn về tự nhiên của khu vực Đông Nam Á trong phát triển kinh tế là

- A. chịu ảnh hưởng nặng nề của các thiên tai B. nghèo tài nguyên khoáng sản  
C. lượng mưa quanh năm không đáng kể D. không có đồng bằng lớn

**Câu 4.** Đánh bắt hải sản được coi là ngành quan trọng của Nhật Bản vì

- A. Nhu cầu lớn về nguyên liệu cho chế biến thực phẩm.  
B. Ngành này không đòi hỏi cao về trình độ.  
C. Nhật Bản là quốc đảo, gần các ngư trường lớn và cá là thực phẩm chính.  
D. Ngành này cần vốn đầu tư ít, năng suất và hiệu quả cao.

**Câu 5.** Hai ngành công nghiệp Nhật Bản nào sau đây được xếp hàng đầu thế giới hiện nay?

- A. Dệt và công nghệ thực phẩm. B. Lọc dầu và điện nguyên tử.  
C. Luyện kim và hàng không vũ trụ. D. Vật liệu truyền thông và điện tử vi mạch, bán dẫn.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

GDP CỦA LIÊN BANG NGA GIAI ĐOẠN 1990 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	2000	2010	2015	2020
GDP	967,3	259,7	1524,9	1326,0	1489,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, biểu đồ thích hợp để thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của Liên Bang Nga giai đoạn 1990 - 2020 là

- A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ tròn.

**Câu 7.** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1995-2017

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	1995	2005	2010	2017
Đông Nam Á	4,9	6,4	9,5	10,7
Thế giới	6,3	9,0	11,7	14,3

Nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng diện tích cao su của Đông Nam Á so với thế giới giai đoạn 1995 – 2017?

- A. Tỉ trọng ngày càng giảm. B. Chiếm tỉ trọng cao nhất.  
C. Tỉ trọng luôn chiếm hơn 70%. D. Tỉ trọng ngày càng tăng.

**Câu 8.** Cho bảng số liệu:

## GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1985	2004	2010	2019
Trung Quốc	239	1 649,3	6 040	14342
Thế giới	12 360	40 887,8	65 648	87751

GDP của Trung Quốc năm 2004 và 2019 so với Thế giới là?

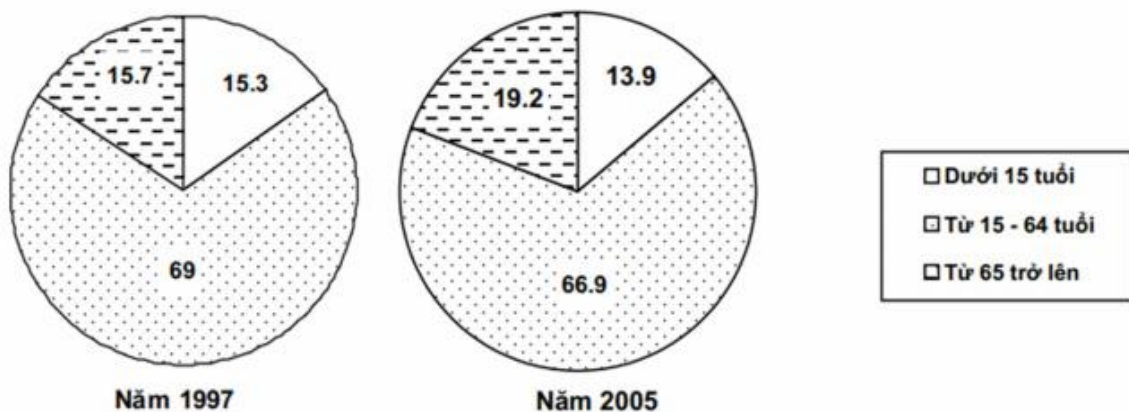
- A. 4,0% và 16,3%      B. 4,6% và 16,1%      C. 4,3% và 13,6%      D. 0,4% và 16,8%

**Câu 9.** Ý nào sau đây không đúng với khí hậu của Nhật Bản?

- A. Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.      B. Thay đổi từ bắc xuống nam.  
C. Lượng mưa tương đối cao.      D. Có sự khác nhau theo mùa.

**Câu 10.** Cho biểu đồ:

**CÁC NHÓM TUỔI NHẬT BẢN NĂM 1997 VÀ 2005**



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu các nhóm tuổi Nhật Bản qua các năm.  
B. Các nhóm tuổi dân số Nhật Bản qua các năm.  
C. Tốc độ gia tăng các nhóm tuổi Nhật Bản qua các năm.  
D. Cơ cấu các nhóm tuổi Nhật Bản qua các năm.

**Câu 11.** Khu vực Đông Nam Á là nơi tiếp giáp giữa hai đại dương nào?

- A. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương      B. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương  
C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương      D. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương

**Câu 12.** Cây trồng nào sau đây phát triển mạnh ở đồng bằng Đông Bắc của Trung Quốc?

- A. Lúa mì, đỗ tương, thuốc lá.      B. Lúa gạo, chè, bông.  
C. Lúa mì, ngô, củ cải đường.      D. Lúa gạo, mía, chè.

**Câu 13.** Khu vực nào sau đây tập trung nhiều trung tâm công nghiệp của Trung Quốc ?

- A. Đồng bằng Hoa Bắc.      B. Đồng bằng Hoa Nam.  
C. Miền Tây.      D. Miền Đông.

**Câu 14.** Dân cư Nhật Bản phân bố chủ yếu ở đảo

- A. Hô-Cai-đô.      B. Kiu-xiu.      C. Hôn-su.      D. Xi-cô-cư.

**Câu 15.** Địa hình miền Tây Trung Quốc:

- A. Là vùng tương đối thấp với các bồn địa rộng.  
B. Gồm toàn bộ các dãy núi cao và đồ sộ.  
C. Gồm các dãy núi cao, các sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.

D. Là các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất đai màu mỡ.

**Câu 16.** Đặc điểm của cơ sở hạ tầng ở các nước Đông Nam Á là

- A. chưa được đầu tư phát triển
- B. phát triển nhanh chóng
- C. từng bước được hiện đại hóa
- D. phát triển không đồng bộ.

**Câu 17.** Diện tích của Trung Quốc đứng sau các quốc gia nào sau đây?

- A. LB Nga, Ca-na-đa, Ấn Độ.
- B. LB Nga, Ca-na-đa, Hoa Kỳ.
- C. LB Nga, Ca-na-đa, Bra-xin.
- D. LB Nga, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a.

**Câu 18.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á?

- A. Tiếp giáp Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- B. Là nơi giao thoa giữa nền văn hóa lớn.
- C. Nằm phía Đông Nam của châu Á.
- D. Là cầu nối giữa lục địa Á - Âu và Ô-xtrây-li-a.

**Câu 19.** Các nước Đông Nam Á có nhiều loại khoáng sản vì

- A. Nằm trong vành đai sinh khoáng.
- B. Có nhiều kiểu, dạng địa hình.
- C. Nằm kề sát vành đai núi lửa Thái Bình Dương.
- D. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa.

**Câu 20.** Sản xuất nông nghiệp ở Nhật Bản hoàn toàn phát triển theo hướng thâm canh vì

- A. Nhật Bản thiếu lao động, sản xuất thâm canh sẽ sử dụng ít lao động hơn quảng canh.
- B. Sản xuất thâm canh mang lại nhiều lợi nhuận mà chi phí lại thấp.
- C. Sản xuất thâm canh có chi phí cao.
- D. Đất nông nghiệp quá ít, không có khả năng mở rộng.

**Câu 21.** Cây trồng truyền thống và quan trọng ở các nước Đông Nam Á là

- A. cao su.
- B. lúa nước.
- C. lúa mì.
- D. cà phê.

**Câu 22.** Cây trồng chính của Nhật Bản là

- A. Thuốc lá.
  - B. Lúa mì.
  - C. Lúa gạo.
  - D. Chè.
- D. tăng tỉ trọng khu vực I và II, giảm tỉ trọng khu vực III.

**Câu 23.** Các nước xuất khẩu gạo của khu vực Đông Nam Á là

- A. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam.
- B. Thái Lan, Việt Nam, Mi-an-ma.
- C. Phi-lip-pin, Thái Lan, Việt Nam.
- D. Thái Lan, Việt Nam.

**Câu 24.** Thế mạnh nào sau đây giúp Trung Quốc phát triển ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

- A. Chính sách mở cửa.
- B. Thực hiện chính sách công nghiệp mới.
- C. Nguyên liệu sẵn có ở nông thôn.
- D. Khoa học công nghệ hiện đại.

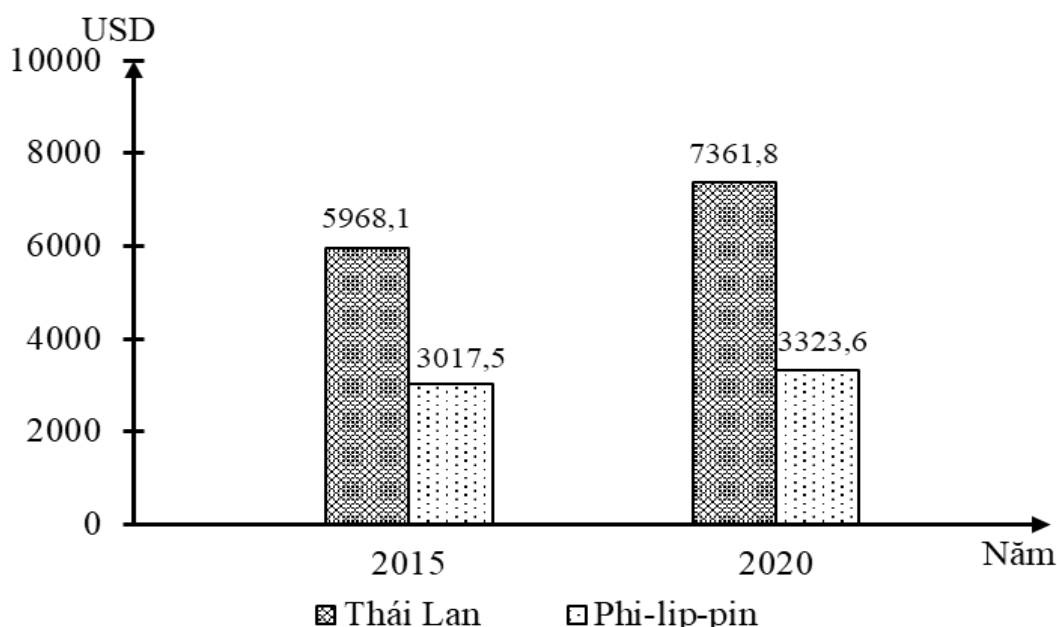
**Câu 25.** Công cuộc hiện đại hoá đất nước Trung Quốc tập trung vào các lĩnh vực nào sau đây?

- A. Công nghiệp, nông nghiệp, giáo dục, y tế.
- B. Công nghiệp, nông nghiệp, văn hoá, thể dục thể thao.
- C. Giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao.
- D. Công nghiệp, nông nghiệp, khoa học kỹ thuật, quân sự.

**Câu 26.** Trung Quốc và Việt Nam có mối quan hệ lâu đời và ngày càng phát triển trong nhiều lĩnh vực trên nền tảng nào dưới đây?

- A. Tình thân và hướng tới tương lai.
- B. Tình đoàn kết và sự thịnh vượng.
- C. Tình láng giềng và hợp tác toàn diện.
- D. Tình hữu nghị và sự ổn định lâu dài.

**Câu 27.** Cho biểu đồ:



GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ PHI-LIP-PIN NĂM 2015 VÀ 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin?

- A. Phi-lip-pin tăng, Thái Lan tăng. B. Phi-lip-pin giảm, Thái Lan giảm.  
 C. Thái Lan giảm, Phi-lip-pin tăng. D. Thái Lan tăng, Phi-lip-pin giảm.

Câu 28. Khó khăn lớn nhất của dân số đông ở Đông Nam Á là

- A. giải quyết việc làm. B. tiêu thụ hàng hóa.  
 C. cung cấp lao động cho các ngành kinh tế. D. thu hút đầu tư nước ngoài.

II. TỰ LUẬN(3 điểm)

Cho bảng số liệu:

GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1985	2004	2010	2019
Trung Quốc	239	1 649,3	6 040	14,342
Thế giới	12 360	40 887,8	65 648	87,751

- a. Tính GDP của Trung Quốc so với thế giới qua các năm.  
 b. Vẽ biểu đồ tròn thể hiện GDP của Trung Quốc so với thế giới qua 2 năm 2004 và 2019  
 c. Nhận xét về sự tăng trưởng GDP của Trung Quốc qua các năm.

----- HẾT -----